

Số: 582 /QĐ-BTP

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch tổng kết thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2012/QH13 ngày 20/6/2012 của Quốc hội về việc thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính.

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13/03/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình tại Công văn số 1798/VPCP ngày 28/02/2017 của Văn phòng Chính phủ;

Xét đề nghị Cục trưởng Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch tổng kết thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

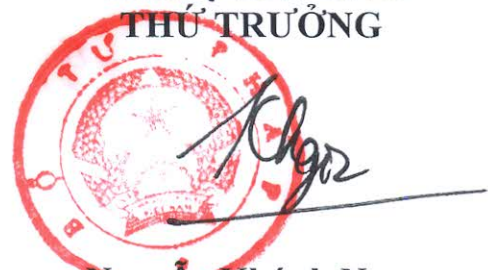
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thi hành);
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- PTTg thường trực Trương Hòa Bình (để báo cáo);
- Bộ trưởng Lê Thành Long (để báo cáo)
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ (để thực hiện);
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW (để thực hiện);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Sở Tư pháp, các tỉnh, TP trực thuộc TW (để thực hiện);
- Tổng cục Thi hành án dân sự (để thực hiện);
- Thanh tra Bộ Tư pháp (để thực hiện);
- Cục Quốc tịch, Hộ tịch, Chứng thực (để thực hiện);
- Cục Hỗ trợ tư pháp (để thực hiện);
- Cổng thông tin của Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Cục QLXLVPHC&TDTHPL (05b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Khánh Ngọc

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

KẾ HOẠCH**Tổng kết thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **582**/QĐ-BTP ngày **25** tháng **4** năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Luật Xử lý vi phạm hành chính được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 20/06/2012 (Luật XLVPHC), có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2013. Luật XLVPHC được ban hành với mục tiêu nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính; góp phần bảo đảm trật tự, kỷ cương quản lý hành chính, an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân; đấu tranh phòng, chống có hiệu quả đối với vi phạm hành chính, tội phạm trong thời kỳ mới; khắc phục tối đa tình trạng thiếu thống nhất và chồng chéo trong hệ thống pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, thuận lợi cho việc thực hiện các nghĩa vụ mà Việt Nam đã cam kết trong các điều ước quốc tế. Cùng thời điểm ban hành với Luật XLVPHC, ngày 20/6/2012, Quốc hội cũng đã ban hành Nghị quyết số 24/2012/QH13 về việc thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính, trong đó triển khai thực hiện một số nội dung đặc biệt quan trọng kể từ khi Luật XLVPHC được công bố (Chủ tịch nước ký lệnh công bố số 13/2012/L-CTN ngày 02/07/2012). Sau một thời gian triển khai thực hiện, một số quy định của Luật XLVPHC và Nghị quyết số 24/2012/QH13 đã bộc lộ những hạn chế, bất cập, dẫn đến những khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện, đòi hỏi cần phải kịp thời có sự sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện.

Ngày 28/02/2017, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 1798/VPCP-PL về việc thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng thường trực Trương Hòa Bình về Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính (Công văn số 1798/VPCP-PL), trong đó có nội dung giao Bộ Tư pháp: “*Tiếp tục tổng hợp các vấn đề vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thi hành Luật XLVPHC; tiến hành tổng kết 04 năm thực hiện Luật, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trong tháng 10 năm 2017*”. Trên cơ sở quy định của Luật XLVPHC, Nghị quyết số 24/2012/QH13 và Công văn số 1798/VPCP Bộ Tư pháp xây dựng Kế hoạch tổng kết thi hành Luật XLVPHC, gồm các nội dung sau đây:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**1. Mục đích**

a) Tổng kết, đánh giá khách quan, toàn diện kết quả đạt được trong việc thực hiện Luật XLVPHC.

b) Đánh giá sự phù hợp của Luật XLVPHC 2012 với Hiến pháp năm 2013, sự thống nhất, đồng bộ giữa Luật XLVPHC với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; tác động tích cực và những hạn chế của Luật XLVPHC đến hoạt động quản lý hành chính, quyền con người, quyền công dân và sự phát triển kinh tế - xã hội.

c) Làm rõ những khó khăn, vướng mắc, hạn chế, bất cập trong việc thực hiện Luật XLVPHC; tìm ra nguyên nhân, đề xuất giải pháp để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, hạn chế, bất cập; trên cơ sở đó, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội về những nội dung sửa đổi Luật XLVPHC và những văn bản pháp luật có liên quan nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn, nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý nhà nước cũng như thực thi pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Yêu cầu

a) Việc tổng kết phải được thực hiện nghiêm túc, khách quan và toàn diện trên phạm vi toàn quốc cũng như trong phạm vi từng Bộ, ngành, địa phương, bảo đảm đúng nội dung, mục đích, tiến độ đề ra.

b) Nội dung tổng kết phải bám sát các quy định của Luật XLVPHC, kết quả đạt được và những yêu cầu đặt ra trong việc triển khai thi hành Luật XLVPHC; phản ánh đúng tình hình thực tế; phân tích, đánh giá kèm theo số liệu cụ thể.

c) Phân công nhiệm vụ hợp lý, xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, đảm bảo có sự phối hợp của các cơ quan liên quan trong việc thực hiện các nội dung tổng kết, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

II. PHẠM VI, NỘI DUNG TỔNG KẾT

1. Phạm vi tổng kết

Thời gian tổng kết: Từ ngày 02/7/2012 (từ thời điểm Luật XLVPHC được công bố theo quy định của Nghị quyết số 24/2012/QH13) đến hết ngày 31/3/2017 (thời điểm lấy số liệu báo cáo 06 tháng về xử lý vi phạm hành chính năm 2017).

Tổng kết, đánh giá toàn bộ các quy định của Luật XLVPHC và Nghị quyết số 24/2012/QH13 ngày 20/6/2012 của Quốc hội về việc thi hành Luật XLVPHC trên phạm vi toàn quốc.

2. Nội dung tổng kết

2.1. Nội dung tổng kết thực hiện theo mẫu Báo cáo tổng kết thi hành Luật XLVPHC ban hành kèm theo Kế hoạch này.

2.2. Xem xét, đề xuất khen thưởng đối với tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai thi hành Luật XLVPHC.

3. Hình thức tổng kết

- Tổng hợp, xây dựng Báo cáo tổng kết;
- Tổ chức hội nghị tổng kết thi hành Luật XLVPHC;

- Tổ chức điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với Bộ Tư pháp

Bộ Tư pháp là cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức hoạt động tổng kết thi hành Luật XLVPHC báo cáo Chính phủ, Quốc hội, cụ thể:

- Xây dựng Báo cáo tổng kết thi hành Luật XLVPHC (trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính 04 năm qua, kết quả Hội nghị tổng kết toàn quốc, kết quả điều tra, khảo sát và tổng hợp kết quả báo cáo của các Bộ, ngành, địa phương)

- Tổ chức hội nghị tổng kết toàn quốc về thi hành Luật XLVPHC (*dự kiến: tháng 8,9/2017*);

- Xem xét khen thưởng và tổng hợp đề xuất khen thưởng đối với tập thể và cá nhân điển hình có thành tích xuất sắc trong triển khai thi hành Luật XLVPHC theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.

Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật (Cục QLXLVPHC&TDTHPL) chủ trì, giúp Bộ Tư pháp thực hiện các nhiệm vụ nêu trên.

Các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp: Tổng cục Thi hành án dân sự; Thanh tra Bộ; Cục Hộ tịch, Quốc tịch, Chứng thực; Cục Hỗ trợ tư pháp căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm xây dựng Báo cáo tổng kết việc thực hiện Luật XLVPHC thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị và gửi Báo cáo về Cục QLXLVPHC&TDTHPL để xây dựng Báo cáo tổng kết của Bộ tư pháp nói riêng, Báo cáo Tổng kết thi hành Luật XLVPHC trình Chính phủ, Quốc hội nói chung.

2. Đối với các Bộ, ngành

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ tiến hành tổng kết thi hành Luật XLVPHC trong phạm vi ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý với hình thức phù hợp, xây dựng Báo cáo tổng kết theo đề cương và gửi về Bộ Tư pháp.

- Xem xét, đề xuất khen thưởng đối với tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai thi hành Luật XLVPHC trong phạm vi thẩm quyền của mình tùy thuộc vào tình hình của đơn vị.

3. Đối với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì tiến hành tổng kết thi hành Luật XLVPHC trên địa bàn quản lý của mình với hình thức phù hợp; hướng dẫn các Sở, ngành và cấp huyện tổng kết thi hành Luật XLVPHC.

- Xây dựng Báo cáo tổng kết theo đề cương và gửi về Bộ Tư pháp.

- Xem xét, đề xuất khen thưởng đối với tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai thi hành Luật XLVPHC trong phạm vi thẩm quyền của mình tùy thuộc tình hình của địa phương.

3. Về thời điểm lấy số liệu và gửi báo cáo tổng kết

a) Số liệu phục vụ tổng kết thi hành Luật XLVPHC *tính từ ngày 02/7/2012* (đối với Nghị quyết số 24/2012/QH13) và *01/7/2013* (đối với các quy định của Luật XLVPHC) *đến hết ngày 31/3/2017*.

b) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động thực hiện việc tổng kết và gửi Báo cáo bằng văn bản về Bộ Tư pháp (Cục QLXPVHC&TDTHPL) **trước ngày 10/7/2017** (gửi kèm theo file điện tử về địa chỉ: nhungph@moj.gov.vn).

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện tổng kết thi hành Luật XLVPHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được bảo đảm từ ngân sách của Bộ, ngành, địa phương mình.

2. Vụ Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm bố trí kinh phí để tổ chức thực hiện tổng kết thi hành Luật XLVPHC đối với các hoạt động thuộc trách nhiệm của Bộ Tư pháp và lấy từ nguồn ngân sách nhà nước cấp cho Cục QLXLVPHC&TDTHPL./.

BỘ TƯ PHÁP

(Mẫu Báo cáo tổng kết thi hành Luật XLVPHC)

Cơ quan xây dựng báo cáo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

BÁO CÁO

Tổng kết thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT XLVPHC

A. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

I. Thực hiện quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính:

- Nêu rõ tên, hình thức văn bản quy phạm pháp luật đã trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền nhằm triển khai thực hiện Luật XLVPHC và các văn bản quy định chi tiết thi hành (Dự kiến văn bản trong quá trình thực thi pháp luật về xử lý vi phạm hành chính cần đề xuất ban hành mới).

- Việc xây dựng, trình phê duyệt và triển khai các Chương trình, Kế hoạch, Đề án triển khai thi hành Luật XLVPHC.

- Đánh giá khái quát kết quả, hiệu quả và tác động của những văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Luật XLVPHC đã ban hành.

2. Công tác phổ biến pháp luật về XLVPHC:

- Số lượng hội nghị và các hình thức phổ biến, tuyên truyền đã được áp dụng, triển khai; số lượng người được phổ biến, tuyên truyền.

- Đánh giá tính kịp thời, đầy đủ của hoạt động phổ biến, tuyên truyền đến các tổ chức, cá nhân.

3. Công tác hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước và nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính:

- Số lượng các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ đã tổ chức.

- Số lượng công chức làm công tác xử lý vi phạm hành chính tham gia tập huấn.

- Đánh giá tính kịp thời, đầy đủ, phù hợp và hiệu quả của công tác tập huấn, bồi dưỡng.

4. Công tác kiểm tra, phối hợp thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại các Bộ, ngành, địa phương:

- Nêu rõ đã tiến hành bao nhiêu cuộc kiểm tra, kiểm tra liên ngành, phối hợp thanh tra.

- Số liệu về hồ sơ xử lý vi phạm hành chính phát hiện có sai phạm và các sai phạm phổ biến.

- Số liệu về các trường hợp người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính thực hiện hành vi vi phạm tại Điều 12 Luật XLVPHC và các hành vi vi phạm điển hình.

5. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo về xử lý vi phạm: Nêu rõ có bao nhiêu hồ sơ XLVPHC bị khiếu nại, tố cáo và kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, đặc biệt là việc giải quyết bồi thường cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt khi quyết định vi phạm hành chính có sai phạm.

6. Công tác kiện toàn tổ chức bộ máy, biên chế thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác xử lý vi phạm hành chính:

- Việc bố trí đơn vị, bộ phận thực hiện quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

- Số lượng công chức (chuyên trách hoặc kiêm nhiệm).

- Đánh giá về tính phù hợp của tổ chức bộ máy, biên chế thực hiện quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

II. Tình hình xử phạt vi phạm hành chính

1. Tình hình xử phạt vi phạm hành chính:

- Số vụ việc vi phạm bị phát hiện, số vụ vi phạm đã bị xử phạt qua các năm: Đưa ra đánh giá, nhận xét về số liệu, so sánh số liệu giữa các năm và chỉ ra những nguyên nhân của những tồn tại cần khắc phục.

- Kết quả thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính qua các năm: Số quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành; số quyết định đã thi hành, chưa thi hành xong, nguyên nhân của tình trạng này; số quyết định bị cưỡng chế thi hành, nguyên nhân của tình trạng này, số tiền phạt thu được; số tiền thu được từ bán, thanh lý tang vật, phương tiện bị tịch thu; số quyết định bị khiếu nại, khởi kiện. Từ đó, đưa ra đánh giá, nhận xét về số liệu giữa các năm và chỉ ra những nguyên nhân của những tồn tại cần khắc phục.

2. Nhận xét, đánh giá về tình hình xử phạt vi phạm hành chính:

- Nhận xét, đánh giá chung, khái quát tình hình vi phạm hành chính trên tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực/địa bàn quản lý.

- Các lĩnh vực xảy ra nhiều hành vi vi phạm hành chính.

- Các hành vi vi phạm phổ biến.

- Nguyên nhân chính của tình hình vi phạm hành chính.

3. Nhận xét, đánh giá việc thực hiện các quy định của Luật XLVPHC về hình thức xử phạt, thẩm quyền, thủ tục xử phạt và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả, cụ thể như sau:

- *Về mức phạt tiền tối đa trong các lĩnh vực:* Đánh giá sự phù hợp của mức phạt tiền tối đa trong các lĩnh vực với tình hình thực tiễn đời sống kinh tế - xã hội hiện nay (mức phạt tiền trong lĩnh vực nào cần tăng lên, lĩnh vực nào cần giảm xuống).

- *Việc áp dụng các hình thức xử phạt:*

+ Nêu rõ những hình thức xử phạt nào thường xuyên được áp dụng, hình thức nào ít được áp dụng; hiệu quả áp dụng của từng hình thức xử phạt; có cần thiết phải bổ sung hình thức xử phạt nào để đáp ứng yêu cầu thực tiễn không?

+ Đánh giá về thủ tục xử phạt vi phạm hành chính: Đã đầy đủ, cụ thể, bảo đảm tính công khai, minh bạch, nhanh gọn, hiệu quả chưa; cần thiết phải đơn giản hóa thủ tục hay bổ sung thủ tục mới nào không...?

- *Việc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả:*

+ Nêu rõ những biện pháp khắc phục hậu quả nào thường xuyên được áp dụng, biện pháp nào ít được áp dụng; hiệu quả áp dụng của từng biện pháp?

+ Về thẩm quyền áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả: Việc quy định thẩm quyền áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với mỗi chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính có phù hợp thực tiễn công tác đấu tranh phòng, chống vi phạm hành chính không?

+ Đánh giá về thủ tục áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả: Đã đầy đủ, cụ thể chưa?

- *Về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính*

+ Thống kê số lượng người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với mỗi chức danh có thẩm quyền xử phạt (VD: trên địa bàn tỉnh A, đối với chức danh Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường có bao nhiêu người có thẩm quyền xử phạt? Từ đó tổng hợp chung số liệu của lực lượng Quản lý thị trường). Đồng thời, liệt kê, báo cáo rõ các chức danh này hiện có thẩm quyền xử phạt trong các ngành, lĩnh vực nào? (Ví dụ: Trưởng phòng cảnh sát điều tra về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ, Cục trưởng Cục cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ có thẩm quyền xử phạt trong các lĩnh vực cụ thể nào?)

+ Việc quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với mỗi chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính có phù hợp thực tiễn công tác đấu tranh phòng, chống vi phạm hành chính không?

+ Có cần thiết phải bổ sung chức danh nào khác có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính không?

+ Quy định về giao quyền xử phạt vi phạm hành chính có phù hợp thực tiễn không?

4. Nhận xét, đánh giá việc thực hiện các quy định của Luật XLVPHC về thi hành quyết định xử phạt và cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt, cụ thể như sau:

- Đánh giá về thủ tục thi hành quyết định xử phạt và cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt: Đã đầy đủ, cụ thể, bảo đảm tính công khai, minh bạch, nhanh gọn, hiệu quả chưa; cần thiết phải đơn giản hóa thủ tục hay bổ sung thủ tục mới nào không...?

- Việc thực hiện quy định về công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc xử phạt vi phạm hành chính: Đánh giá hiệu quả thực hiện; cần thiết phải bổ sung các trường hợp cần công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc xử phạt vi phạm hành chính không...?

III. Tình hình áp dụng các biện pháp xử lý hành chính

1. Kết quả

- Tổng số đối tượng bị lập hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính qua các năm: Đưa ra đánh giá, nhận xét về số liệu, so sánh và phân tích số liệu giữa các năm.

- Tổng số đối tượng bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính: Đưa ra đánh giá, nhận xét về số liệu, so sánh và phân tích số liệu giữa các năm.

- Tình hình thi hành các quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính: Đưa ra đánh giá, nhận xét về số liệu, so sánh và phân tích số liệu giữa các năm

2. Nhận xét, đánh giá việc thực hiện các quy định của Luật XLVPHC về áp dụng các biện pháp xử lý hành chính, cụ thể như sau:

- Biện pháp xử lý hành chính nào được áp dụng phổ biến nhất, biện pháp nào ít được áp dụng; hiệu quả áp dụng của từng biện pháp?

- Căn cứ, đối tượng, thời hiệu áp dụng đối với từng biện pháp đã bảo đảm sự phù hợp thực tiễn chưa?

- Thủ tục áp dụng đối với từng biện pháp đã đầy đủ, cụ thể, bảo đảm tính công khai, minh bạch, nhanh gọn, hiệu quả chưa; cần thiết phải đơn giản hóa thủ tục hay bổ sung thủ tục mới nào không...?

IV. Tình hình áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính

Nhận xét, đánh giá việc thực hiện các quy định của Luật XLVPHC về áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính, cụ thể như sau:

- Nêu rõ những biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính nào thường xuyên được áp dụng, biện pháp nào ít được áp dụng; hiệu quả áp dụng của từng biện pháp; có cần thiết phải bổ sung biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính nào để đáp ứng yêu cầu thực tiễn không.

- Đánh giá về căn cứ, thẩm quyền, thủ tục áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính:

+ Căn cứ áp dụng từng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính đã bảo đảm sự phù hợp thực tiễn chưa?

+ Cần thiết phải bổ sung thẩm quyền cho các chức danh nào trong việc áp dụng từng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính không?

+ Thủ tục áp dụng đối với từng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính đã đầy đủ, cụ thể, bảo đảm tính công khai, minh bạch, nhanh gọn, hiệu quả chưa; cần thiết phải đơn giản hóa thủ tục hay bổ sung thủ tục mới nào không...?

V. Tình hình áp dụng biện pháp thay thế XLVPHC đối với người chưa thành niên

- Tình hình áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính nhắc nhở đối với người chưa thành niên: Đưa ra đánh giá, nhận xét về số liệu, so sánh và phân tích số liệu giữa các năm.

- Tình hình áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính quản lý tại gia đình đối với người chưa thành niên: Đưa ra đánh giá, nhận xét về số liệu, so sánh và phân tích số liệu giữa các năm.

VI. Thống kê số liệu, thời điểm chốt số liệu

1. Số liệu được lấy từ ngày từ ngày **02/07/2012** (*thời điểm công bố luật theo Nghị quyết số 24/2012/QH13*) và **01/7/2013** (*đối với với các quy định của Luật XLVPHC*) đến hết ngày **31/3/2017**.

2. Việc thống kê số liệu được thực hiện theo các phụ lục kèm theo mẫu Báo cáo này.

B. NHỮNG TÁC ĐỘNG CỦA LUẬT XLVPHC ĐẾN CÔNG TÁC QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VÀ SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Thông qua việc thực hiện tổng hợp số liệu, đánh giá số liệu tại nội dung Phần A, đề nghị đánh giá những chính sách pháp lý trong Luật XLVPHC được áp dụng như thế nào (trước khi Luật XLVPHC được ban hành so với sau khi Luật XLVPHC được ban hành) và tác động của những chính sách này đến công tác quản lý hành chính nhà nước và đời sống kinh tế - xã hội:

Ví dụ: Đánh giá chính sách bảo đảm quy trình chặt chẽ, minh bạch, công khai trong xử phạt vi phạm hành chính (Luật XLVPHC quy định thêm: Giải trình, miễn, giảm XPVPHC,...); chính sách về xử lý vi phạm hành chính đối với

người chưa thành niên vi phạm hành chính; chính sách bảo đảm quyền tự do của công dân trong xử lý vi phạm hành chính (biện pháp xử lý hành chính liên quan đến quyền con người phải tuân theo trình tự thủ tục chặt chẽ và tuân theo phán quyết của tòa án);...

1. Tác động của Luật XLVPHC đến sự phát triển kinh tế - xã hội, quản lý hành chính, an ninh, trật tự an toàn xã hội của đất nước nói chung và của Bộ, ngành, địa phương nói riêng; đặc biệt, cần nêu rõ vai trò, tác dụng của Luật XLVPHC đối với hoạt động của các doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác tại Việt Nam; sự quan tâm, đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước.

2. Tác động của Luật XLVPHC đối với công tác xử lý vi phạm hành chính nói chung (những chuyển biến trong thực hiện quản lý nhà nước về công tác xử lý hành chính; công tác kiện toàn tổ chức bộ máy và biên chế để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thi hành xử lý vi phạm hành chính; tình hình xử phạt vi phạm hành chính; tình hình áp dụng biện pháp xử lý hành chính...).

3. Tác động của Luật XLVPHC trong việc bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức và công dân; đấu tranh phòng, chống có hiệu quả đối với vi phạm hành chính.

4. Đánh giá những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn mà Luật XLVPHC chưa điều chỉnh là cơ sở cho đề xuất, kiến nghị bổ sung các vấn đề, chính sách mới trong Luật.

Phần thứ hai

KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, HẠN CHẾ, BẤT CẬP TRONG THI HÀNH LUẬT XLVPHC VÀ NGUYÊN NHÂN

I. Khó khăn, vướng mắc, hạn chế, bất cập trong công tác triển khai thi hành Luật XLVPHC

Các Bộ, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn pháp luật quy định, đề nghị nêu rõ và đánh giá những khó khăn, vướng mắc, hạn chế, bất cập, nguyên nhân của những hạn chế, bất cập đối với các nội dung:

1. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật XLVPHC.

2. Thực hiện quản lý nhà nước về công tác xử lý vi phạm hành chính, cụ thể như sau:

- Về các điều kiện đảm bảo thi hành Luật: Kinh phí, cơ sở vật chất, kỹ thuật; tổ chức bộ máy, nhân sự.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ.

- Công tác hướng dẫn áp dụng pháp luật xử lý vi phạm hành chính, giải đáp vướng mắc pháp luật.

- Công tác kiểm tra, thanh tra.

- Việc phối hợp giữa các ngành, cơ quan chức năng trong xử lý vi phạm hành chính.

- Công tác báo cáo, thống kê.

3. Nguyên nhân (nguyên nhân chủ quan, nguyên nhân khách quan)

II. Hạn chế, bất cập trong quy định của Luật XLVPHC

1. Về sự phù hợp của Luật XLVPHC năm 2012 với quy định của Hiến pháp năm 2013 và sự thống nhất, đồng bộ các đạo luật có liên quan.

2. Về các quy định cụ thể của Luật XLVPHC.

3. Nguyên nhân (nguyên nhân chủ quan, nguyên nhân khách quan)

Phần thứ ba

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ GIẢI PHÁP

ĐỀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THI HÀNH LUẬT XLVPHC

Trên cơ sở đánh giá những ưu điểm, nhất là những hạn chế, vướng mắc, bất cập và đánh giá tác động của Luật XLVPHC theo thẩm quyền, trách nhiệm được giao, các Bộ, ngành, địa phương đề xuất các nội dung sau:

1. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật về XLVPHC

- Hoàn thiện Luật XLVPHC và các văn bản hướng dẫn thi hành (trọng tâm là những nội dung cần thiết phải được sửa đổi, bổ sung của Luật XLVPHC và đồng thời đề xuất ban hành văn bản, quy định mới để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và phù hợp với tình hình thực tế).

- Các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Đề xuất chính sách pháp lý mới

Từ đánh giá tác động của Luật XLVPHC đến nền hành chính và đời sống kinh tế - xã hội tại Phần B, đề xuất hoàn thiện các chính sách của Luật XLVPHC; đề xuất các chính sách mới phát sinh sau khi triển khai thi hành Luật XLVPHC trong thời gian vừa qua và trong bối cảnh hiện nay.

3. Các giải pháp về tổ chức thi hành Luật

Căn cứ vào thẩm quyền, trách nhiệm được giao, các Bộ, ngành, địa phương đề xuất với Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, ngành liên quan trong việc bảo đảm các điều kiện về tổ chức, biên chế, các nguồn lực để nâng cao chất lượng chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao.

(Lưu ý: Trên cơ sở bảng tổng hợp số liệu Mẫu số 01, 02 kèm theo mẫu báo cáo, các đơn vị có thể xây dựng các Bảng tổng hợp số liệu kèm theo Báo cáo ngoài nội dung tại mẫu số 01 và mẫu số 02).

Mẫu số 1

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH (*)

(Kèm theo Báo cáo số:/BC-...(1)... ngày/..... của... (2)....)

		Số vụ vi phạm (vụ)					Số đối tượng bị xử phạt (đối tượng)					Tình hình thi hành các quyết định XPVPHC																													
		Tổng số					Tổng số					Tổng số																													
1	Năm	2	Số vụ đã bị xử phạt		Số vụ chưa xử phạt		Chia ra			Số vụ chuyển xử lý bằng hình thức khác		Tổng số		Truy cứu TNHS		Áp dụng biện pháp thay thế đối với NCTN			8	Tổ chức		Chia ra			Cá nhân		Số quyết định XPVPHC (quyết định)		13	Số quyết định hoãn, giảm, miễn thi hành phạt tiền (quyết định)	14	Số quyết định XPVPHC bị cưỡng chế thi hành (quyết định)	15	Số quyết định XPVPHC bị khiếu nại (quyết định)	16	Số quyết định XPVPHC bị khởi kiện (quyết định)	17	Tổng số tiền thu được từ bán, thanh lý tang vật, phương tiện bị tịch thu (đồng)	18	Tổng số tiền phạt thu được (đồng)	19

GIẢI THÍCH MẪU SỐ 1

(*) Mẫu này dùng để tổng hợp, cung cấp số liệu về tình hình xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành và địa phương.

(1) Chữ viết tắt tên cơ quan lập Báo cáo.

(2) Tên của cơ quan lập Báo cáo.

Cột (2) = Cột (3 + 4 + 5).

Cột (5) = Cột (6 + 7).

Cột (7): Biện pháp nhắc nhở.

Cột (8) = Cột (9 + 10).

Cột (10) = Cột (11 + 12).

TNHS: Trách nhiệm hình sự.

NCTN: Người chưa thành niên.

XPVPHC: Xử phạt vi phạm hành chính.

GIẢI THÍCH MẪU SỐ 2

* Mẫu này dùng để tổng hợp, cung cấp số liệu về việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính.

(1) Chữ viết tắt tên cơ quan lập Báo cáo.

(2) Tên cơ quan lập Báo cáo.

Cột (2) = Cột (3 + 4 + 5 + 6).

Cột (7) = Cột (8 + 9 = Cột (10 + 11).

Cột (11) = Cột (12 + 13 + 14).

BPXLHC: Biện pháp xử lý hành chính.

GDTXPTT: Giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

TGD: Trường giáo dưỡng.

CSGDDBB: Cơ sở giáo dục bắt buộc.

CSCNBB: Cơ sở cai nghiện bắt buộc.

NCTN: Người chưa thành niên.

TAND: Toà án nhân dân. 